

VIỆT NAM

TRONG TIẾN TRÌNH HỢP TÁC ASEM

NGUYỄN VĂN LỊCH

*Khoa Việt Nam học - Đại học KHXH và NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*

Tiến trình hợp tác Á – Âu (ASEM) đã trải qua hơn 8 năm. Bốn Hội nghị thượng đỉnh ASEM được tổ chức ở Bangkok (1996), London (1998), Seoul (2000), Copenhagen (2002). Hội nghị thượng đỉnh ASEM V sẽ diễn ra tại Hà Nội vào tháng 10-2004. Hội nghị này diễn ra sau cuộc chiến tranh của Mỹ và liên quân ở Iraq, Liên minh Châu Âu mở rộng về phía Đông (1-5-2004) từ 15 nước thành EU 25 nước và ở châu Á tiến trình hợp tác ASEAN + 3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) chuyển động mạnh mẽ. Hội nghị diễn ra ở Hà Nội, vì vậy chúng tôi muốn được góp phần tìm hiểu Việt Nam trong tiến trình hợp tác ASEM.

I. Hợp tác Á – Âu là tất yếu trong quá trình toàn cầu hóa

Á – Âu tuy hai mà một, vì hai châu lục dính liền nhau, có tên Eurasia, được phân cách ược lệ bởi dãy núi Ural. Vì vậy trong tiến trình lịch sử mấy ngàn năm qua hai châu Á – Âu có nhiều duyên nợ, nhiều mối quan hệ qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau cả về ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, chính trị, ngoại giao. Vì vậy tiến trình hợp tác Á – Âu

trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa là một tất yếu.

Năm 1994 Liên minh Châu Âu đề ra “Chiến lược Châu Á mới”. Cũng trong năm 1994 Thủ tướng Singapore đưa ra sáng kiến tổ chức cuộc gặp gỡ Á – Âu (Asia – European Meetings – ASEM), các nước ASEAN, các nước Liên minh Châu Âu (EU) và các nước Đông Á (cũng gọi là Đông Bắc Á) Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc nhiệt liệt ủng hộ. Tháng 3-1996 Hội nghị Thượng đỉnh Á – Âu (ASEM) lần đầu tiên được tổ chức tại Bangkok, Thailand, bao gồm nguyên thủ 15 nước EU, 7 nước ASEAN (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand, Vietnam) với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, tổng cộng là 25 nước.

Tiến trình hợp tác Á – Âu được khẳng định, nội dung hợp tác xác định trên ba lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa-xã hội. Hợp tác kinh tế, trao đổi thương mại là lĩnh vực đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Từ năm 2000 mười đối tác châu Á nói trên đã trở thành thị trường nhập khẩu lớn nhất và xuất khẩu đứng thứ hai của EU.

Bảng 1. Các đối tác thương mại chính của EU năm 2000

Nhập khẩu	%	Xuất khẩu	%
Mười nước đối tác châu Á của EU	24,2	Mỹ	24,7
Mỹ	19,3	Mười nước đối tác châu Á của EU	19,1

Nguồn : Eurostat, 2001.

Bảng 2. Các nước EU cũ (15 nước) và EU mở rộng (25 nước)

	Tên nước	Diện tích	Xếp hạng	Dân số	Xếp hạng	GDP thực tế năm 2001 (triệu USD)	Xếp hạng
1	Pháp	551.500	47	59.165	21	1.302.739	5
2	Đức	357.030	61	82.195	12	1.873.854	3
3	Bỉ	33.100	136	10.273	75	227.618	22
4	Hà Lan	41.530	131	16.032	57	374.976	16
5	Luxamburg	2.586	166	444	164	19.802	67
6	Italia	301.340	69	57.691	22	1.090.910	7
7	Tây Ban Nha	505.990	50	39.501	29	577.539	11
8	Bồ Đào Nha	91.980	109	10.231	77	108.479	37
9	Hy Lạp	131.900	94	10.575	72	1.406.310	35
10	Anh	242.910	76	59.904	20	1.406.310	4
11	Ailen	70.270	117	3.833	125	101.185	40
12	Áo	83.860	112	8.124	87	188.742	24
13	Thụy Điển	449.960	54	8.893	83	210.108	21
14	Đan Mạch	43.090	130	5.350	105	162.817	27
15	Phần Lan	338.150	63	5.187	109	121.987	33
16	Ba Lan	323.250	67	38.653	30	174.597	29
17	CH Séc	78.870	114	8.124	88	56.424	49
18	Slovakia	49.010	126	5.408	103	20.522	64
19	Hungaria	93.030	108	10.187	78	52.361	52
20	Estonia	45.100	129	1.355	147	5.281	108
21	Latvia	64.600	121	2.341	140	7.549	99
22	Litva	65.200	120	3.488	128	11.834	79
23	Slovenia	20.250	150	1.989	144	18.810	69
24	Malta	320	186	392	168	3.565	123
25	Cyprus (Síp)	9.250	160	761	157	8.698	89

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Số liệu kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Thống kê, 2002.

EU mở rộng và hợp tác ASEAN + 3 càng tăng thêm tiềm lực kinh tế của mỗi khối và tiềm năng hợp tác Á – Âu.

Ngày 1-5-2004 Liên minh Châu Âu (EU) đã mở rộng về phía Đông, kết nạp thêm 10 nước (Ba Lan, Cộng hòa Séc, Slovakia, Hungaria, Estonia, Litva, Latvia, Slovenia, Malta, Cyprus (Síp), cùng 15 nước thành viên cũ trở thành một trong những tổ chức quốc tế khu vực lớn nhất với diện tích gần 4 triệu km², 450 triệu người, trải từ Đông sang Tây hơn 3.000 km, tổng GDP năm 2001 gần 8.127 tỉ USD, năm 2003 đạt khoảng gần 9.000 tỉ USD (Bảng 2).

Còn ở Đông Nam Á và Đông Á, tiến trình hội nhập đang diễn ra nhanh chóng. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập từ năm 1967 gồm 5 nước, đến năm 1999, sau gần 32 năm đã mở rộng ra cả 10 nước trong khu vực. Từ năm 1993 trong khuôn khổ ASEAN đã hình thành AFTA – Khu vực Thương mại Tự do Đông Nam Á. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN VII (Brunei, 2001) và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN VIII (Phnom Penh, Campuchia, 2002) tiếp tục khẳng định đẩy mạnh tiến trình AFTA và hợp tác toàn diện giữa các nước ASEAN, đồng thời mở rộng hợp tác giữa ASEAN với 3 nước Đông Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc).

Đặc biệt, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN IX (Bali, Indonesia, 2003) đã ký kết Hiệp định Hòa hợp ASEAN II, khẳng định đến năm 2020 sẽ xây dựng Đông Nam Á thành cộng đồng các quốc gia phát triển, hòa hợp trên cả ba lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa. Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN IX cũng có sự tham dự của ba nhà lãnh đạo Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, đều cam kết tăng cường hợp tác ASEAN + 3, đề ra những bước đi để đến năm 2010 – 2012 sẽ tạo thành khu vực thương mại tự do trong không gian thống nhất. Trung Quốc cũng chính thức ký Hiệp ước Bali. Ấn Độ cũng tham gia Hội nghị và tích cực triển khai “Chính sách hướng Đông”. Bảng 3 dưới đây sẽ cho chúng ta cái nhìn tổng thể về ASEAN +3.

Tính 10 nước ASEAN, tổng diện tích 4,5 triệu km², dân số hơn 500 triệu, GDP năm 2001 gần 600 tỉ USD, năm 2003 ước vượt 600 tỉ USD. Nếu tính theo sức mua tương đương (PPP), theo giá trị GDP/người năm 2000 thì tổng GDP của các nước ASEAN đã lên đến 1.897,888 tỉ USD, năm 2003 ước đạt gần 2.000 tỉ USD.

Chỉ tính ba nước Đông Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) diện tích hơn 10 triệu km², dân số 1446 triệu người, tổng GDP năm 2001 là 5.826 tỉ USD, năm 2003 ước vượt 6.000 tỉ USD. Nếu tính theo sức mua tương đương thì GDP của ba nước

Đông Á theo giá trị USD/người năm 2000 đã lên tới 9.291 tỉ USD, năm 2003 ước đạt 10.000 tỉ USD.

Như vậy tính cả ba nước Đông Á và ASEAN, GDP năm 2001 đạt 6.410 tỉ USD, còn tính theo sức mua tương đương năm 2000, GDP của 13 nước đạt 11.189 tỉ

USD, đến năm 2003 ước đạt gần 12.000 tỉ USD.

Nếu trong tương lai không xa, không gian kinh tế mở rộng cả Hongkong, Macao, Đài Loan và có thể cả CHDCND Triều Tiên, thì khu vực kinh tế Đông Á tiềm lực còn lớn hơn (Bảng 4).

Bảng 3. ASEAN +3

	Tên nước	Diện tích (km ²)	Xếp hạng TG	Dân số 2001 (nghìn người)	Xếp hạng TG	GDP 2001 giá thực tế triệu USD	Xếp hạng TG	GDP tính theo sức mua tương đương (PPP), giá trị năm 2000 (triệu USD)
1	Trung Quốc	9.598.050	4	1.271.900	1	1.159.017	6	5057,472
2	Nhật Bản	377.800	60	127.100	10	4.245.191	2	3399,155
3	Hàn Quốc	99.260	107	47.645	26	422.167	12	834,240
	Cộng 3 nước	10.075.110		1.446.645		5.826.375		9291,881
	ASEAN							
1	Brunei	5.770	162	345	169	4.123	111	5,796
2	Campuchia	181.040	87	12.266	65	3.384	128	12,145
3	Indonesia	1.904.570	15	213.638	4	145.306	30	651,202
4	Lào	236.800	80	5.403	104	1.712	139	8,505
5	Malaysia	329.750	64	23.796	42	87.540	42	217,632
6	Myanmar	676.580	39	48.315	25	39.172	56	57,600
7	Philippines	300.000	70	77.015	14	71.438	44	305,767
8	Singapore	620	176	4.103	120	85.648	41	93,424
9	Thailand	513.120	49	61.238	19	114.760	32	390,522
10	Vietnam	329.241	65	78.686	13	31.513	58	155,688
	Cộng 10 nước ASEAN	4.477.491		523.805		584.596		1897,881
	Cộng 13 nước	14.552.501		1.970.450		6.410.971		11189,148

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Số liệu kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Thống Kê, 2002.

Bảng 4. Các lãnh thổ Trung Quốc và CHDCND Triều Tiên

		Diện tích km ²	Xếp hạng TG	Dân số 2001 (Triệu người)	Xếp hạng TG	GDP 2001 giá thực tế, triệu USD
1	Hồng Kông	1.098	169	6,874	95	161.891
2	Ma Cao	24	191	443	165	6,300
3	Đài Loan	36.000	134	22,410	46	282,208
4	CHDCND Triều Tiên	120.540	96	22,384	48	45,000*
	Cộng	157.662		52,111		495,399

* Ước lượng. Nguồn: Tổng cục Thống kê. Số liệu kinh tế – xã hội các nước và các vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Thống Kê, 2002.

Từ thập niên 80 thế kỷ XX nhiều người đã dự đoán thế kỷ XXI sẽ là “thế kỷ Châu Á – Thái Bình Dương”. Sự phát triển năng động và tương đối ổn định của Trung Quốc và các nước ASEAN trong hơn hai thập niên qua đã dần dần làm thay đổi bản đồ kinh tế khu vực và thế giới. Trong vài thập niên đầu thế kỷ XXI, các nước Đông Á, Đông Nam Á (dưới đây tạm gọi tắt là Đông Á) sẽ tiếp tục dẫn đầu thế giới về tốc độ phát triển kinh tế. Nền kinh tế Nhật Bản những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, tốc độ phát triển bị chững lại, Chính phủ Koizumi đang nỗ lực cải cách nền kinh tế của đất nước, bước đầu gạt hái thành công, chắc chắn nước Nhật sẽ tiếp tục

đóng vai trò siêu cường kinh tế thứ 2 thế giới và đầu tàu kinh tế ở châu Á.

Trung Quốc cải cách mở cửa thành công, nền kinh tế Trung Quốc đạt tốc độ tăng trưởng liên tục hơn hai thập niên qua, dẫn đầu thế giới và khu vực; cứ sau một thập niên GDP của nước này lại tăng gấp đôi. Nền kinh tế Trung Quốc đã đứng thứ 6 thế giới, nếu tính theo sức mua tương đương đã vươn lên thứ 2 thế giới, xấp xỉ 50% nền kinh tế Mỹ.

Rõ ràng, cùng với châu Âu đang thống nhất lại, tiến tới nhất thể hóa trong Liên minh Châu Âu và Bắc Mỹ, Đông Á cũng đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ, tiến tới xây dựng một không

gian kinh tế thống nhất, tương lai có thể có đồng tiền chung châu Á (Đông Á)⁽¹⁾. Trong quá trình chuyển đổi, xây dựng trật tự kinh tế quốc tế, xây dựng một thế giới đa cực, Đông Á cần và phải trở thành một trụ cột trong ba trụ cột chính của kinh tế thế giới thế kỷ XXI.

Con đường của Liên minh Châu Âu đã đi qua trong hơn nửa thế kỷ, từ Cộng đồng Than thép Châu Âu 6 nước năm 1952 đến Liên minh Châu Âu 25 nước năm 2004 cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích. Từ 1870 đến 1945 hai nước Đức – Pháp ít ra đã qua 3 cuộc chiến tranh đẫm máu. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, nước Đức là nạn nhân, Tây Âu và Đông Âu đối đầu gay gắt, quyết liệt, nhưng ngày 1-5-2004 có 8/10 nước thành viên mới của EU là ở Đông Âu. Chúng ta không quên những bài học của lịch sử, song phải dạy cho các thế hệ trẻ tinh thần khoan dung (tolerance), vượt

qua những rào cản quá khứ để hòa giải, hợp tác, hướng đến tương lai. Tôi tin các dân tộc Đông Á có chiều sâu của lịch sử mấy ngàn năm, của triết lý nhân bản, căn bản Tam giáo và Nhân văn hiện đại có thể làm được. Hợp tác Á – Âu là nhân tố tác động tích cực và kinh nghiệm cho các nước Đông Á trên đường hợp tác, phát triển.

II. Việt Nam trong tiến trình hợp tác ASEM

Trong chiến lược ngoại giao đa phương, chủ động hội nhập quốc tế, Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước. Năm 1995 Việt Nam gia nhập ASEAN. Năm 1996 Việt Nam cũng tham gia Tiến trình hợp tác Á – Âu (ASEM). Năm 1998 nước ta cũng được kết nạp vào Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC). Hiện nay nước ta cũng đang tích cực đàm phán song phương và đa phương với các đối tác để có thể gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2005.

Theo chúng tôi, Việt Nam là nước Đông Nam Á, nằm ở vị trí chiến lược cầu nối giữa Đông Nam Á và Đông Á nên phải xây dựng chiến lược cơ bản lâu dài là tăng cường hợp tác khu vực, hợp tác ASEAN + 3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc).

⁽¹⁾ Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính 1997-1998, ASEAN đã đưa ra sáng kiến Chiang Mai, hình thành Hiệp định Trao đổi tiền tệ giữa 5 nước ASEAN với số vốn 1,5 tỉ USD. Ngoài ra Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và 5 nước ASEAN đã thiết lập mạng lưới trao đổi song phương với 5 nước ASEAN, tổng cộng đến 24 tỉ USD. Các nhà lãnh đạo các nước này đã đề cập việc phát hành đồng tiền chung của châu Á.

Song trong thời đại toàn cầu hóa này, quyền lợi của mỗi quốc gia, khu vực, tổ chức là đan xen, phụ thuộc lẫn nhau, nhưng cũng không thể dàn trải mà cần xác định trọng tâm, trọng điểm. Ba trụ cột của nền kinh tế hiện nay và những thập kỷ đầu thế kỷ XXI là Bắc Mỹ, Tây

Âu, Đông Á. Việt Nam là thành viên của ASEAN + 3 (tạm gọi là Đông Á), đó là cơ hội và cũng là thách thức để mở rộng quan hệ mọi mặt với EU và Bắc Mỹ. Bảng 5 dưới đây cho thấy EU ngày càng trở thành đối tác quan trọng của Việt Nam.

Bảng 5. Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam từ 1991 đến 2000

Thị trường	1991-1995 (%)	1996 (%)	1997 (%)	1998 (%)	1999 (%)	2000 (%)
ASEAN	22,1	24,5	21,2	24,6	21,4	18,1
Nhật Bản	30,2	21,3	17,7	15,5	15,5	18,1
Đài Loan	5,5	7,4	8,5	7,0	5,9	5,2
HongKong	6,2	4,3	5,2	3,3	2,1	2,4
Hàn Quốc	3,3	7,7	3,9	2,4	2,8	2,4
Trung Quốc	5,3	4,7	5,7	5,0	7,5	10,6
Châu Á	73,4	70,9	63,8	60,3	57,3	59,2
Các nước EU	9,6	11,0	16,8	22,0	21,5	19,3
Châu Âu	14,8	15,4	22,7	27,0	25,7	22,0
Mỹ	1,6	2,8	3,0	4,9	4,4	5,1
Toàn Bắc Mỹ	1,7	3,3	3,7	5,8	5,2	5,8
Nam Mỹ	0,0	0,0	0,1	0,6	0,5	0,7
Châu Phi	0,5	0,2	0,1	0,2	0,4	0,2
Châu Đại Dương	1,1	1,0	2,2	5,2	7,3	8,8

Nguồn: Niên giám Thống kê và Tổng cục Hải quan

1. Việt Nam với tổ chức EU

Năm 1990 nước ta mới thiết lập quan hệ chính thức với Liên minh Châu Âu. Đây là thời điểm “vấn đề Campuchia” đã có lối ra, Việt Nam triệt thoái tất cả lực lượng vũ trang ở Campuchia, trên thế giới “chiến tranh lạnh” chấm dứt. Năm 1992

Việt Nam và EU ký Hiệp định về Hàng dệt may, năm 1995 ký Hiệp định khung về Hợp tác (Framework Agreement of Cooperation). Đó là cơ sở pháp lý quan trọng để phát triển quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu. Sang thế kỷ XXI, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục

khẳng định EU là đối tác chiến lược quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, góp phần củng cố hòa bình thế giới, vì mục tiêu phát triển.

Về thương mại, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và các thành viên EU năm 1990 mới ở mức khiêm tốn, gần 300 triệu USD, năm 1995 vượt hơn 2 tỉ USD, năm 2002 đạt gần 5 tỉ USD⁽²⁾. Trong hơn một thập niên tăng 17 lần.

Về đầu tư của các nước EU, từ 1988 đến 2002 đã có 11/15 nước EU cũ đầu tư vào Việt Nam 315 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 5,9 tỉ USD, trong đó đã thực hiện 3,1 tỉ USD⁽³⁾.

Tuy nhiên, những con số trên so với tiềm năng của EU còn rất nhỏ vì EU chiếm đến 40% thương mại và gần 50% dòng FDI toàn cầu⁽⁴⁾. FDI của các nước EU chỉ chiếm gần 10% vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

Quan hệ chính trị ngoại giao giữa Việt Nam với tổ chức EU và các nước thành viên

cũng không ngừng được củng cố và tăng cường trong hơn một thập niên qua. Nhiều phái đoàn nguyên thủ quốc gia của Việt Nam đã thăm và ký kết các hiệp định song phương, đa phương với EU và các thành viên. Nhiều phái đoàn của EU cũng đã đến Việt Nam. Việc ASEM chọn Việt Nam đăng cai Hội nghị Thượng đỉnh V ở Hà Nội vào tháng 10 này là một minh chứng về quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và EU.

Quan hệ hợp tác về văn hóa giáo dục giữa Việt Nam và các nước EU trong hơn một thập kỷ qua cũng tăng cường, phát triển tốt đẹp.

2. Việt Nam và các đối tác thành viên EU

2.1. Với Pháp

Trong các nước thành viên EU, Pháp là nước có quan hệ lịch sử với Việt Nam sâu nặng nhất. Nước Pháp là cửa ngõ để Việt Nam tăng cường quan hệ với cả EU. Trong số các nước EU, Pháp là nhà đầu tư lớn nhất đầu tư vào nước ta với gần 2,6 tỉ USD và đối tác thương mại thứ hai với gần 21% cán cân thương mại của Việt Nam với EU. Pháp cũng là nước lớn cung cấp ODA cho Việt Nam.

Dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ở Pháp và Việt Nam vừa qua có thể coi là mốc quan trọng để hai nước tổng kết những bài học lịch sử, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai hợp tác phát triển. Cộng đồng người Việt Nam

⁽²⁾ Kim ngạch ngoại thương của Trung Quốc với EU năm 2003 đạt 134,8 tỉ Euro (160,4 tỉ USD).

⁽³⁾ Theo Trần Nguyễn Tuyên, có 285 dự án còn hiệu lực với hơn 7 tỉ USD.

⁽⁴⁾ Số liệu rất khác nhau. Theo Eurostat và IMF từ 1998 đến 2001 FDI của EU chỉ chiếm gần 10% tổng FDI toàn cầu, trong khi FDI của Mỹ gần 34%.

ở Pháp có thể làm cầu nối tăng cường quan hệ giữa hai nước.

2.2. Với Đức

Đức hiện là đối tác thương mại lớn nhất, chiếm 28,5% cán cân thương mại của EU với Việt Nam. Nhưng các nhà đầu tư Đức đầu tư vào các nước Đông Âu, Trung Quốc và một số nước châu Á khác, ít vào Việt Nam.

Hiện nay cộng đồng người Việt ở Đức có hàng chục ngàn người. Việt Nam được đánh giá là nước có số người biết tiếng Đức đông nhất trong các nước Đông Nam Á. Vì vậy cần phát huy lợi thế này để tăng cường quan hệ hợp tác với Đức.

2.3. Với Anh

Anh hiện đầu tư 1,8 tỉ USD vào Việt Nam, sau Pháp. Các dự án đầu tư của Anh phần lớn thuộc ngành dầu khí. Thương mại của Anh đứng thứ ba, chiếm 12,7% tổng giá trị buôn bán của EU với Việt Nam.

2.4. Với Hà Lan

Về đầu tư, Hà Lan đứng thứ ba, với 1,17 tỉ USD. Về thương mại, Hà Lan đứng thứ năm, chiếm 7,6% cán cân thương mại EU – Việt Nam. Các mặt quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục giữa hai nước phát triển tốt.

Bảng 6. Cơ cấu kim ngạch ngoại thương Việt Nam và các nước EU 15 (năm 2000)

STT	Các nước EU	Tỷ lệ (%)
1	CHLB Đức	28,5%
2	Pháp	20,7%
3	Anh	12,7%
4	Italia	9,6%
5,6	Bỉ – Luxemburg	8,1%
7	Hà Lan	7,6%
8	Tây Ban Nha	4,2%
9	Thụy Điển	2,8%
10	Đan Mạch	2,2%
11	Áo	1,4%
12	Phần Lan	0,9%
13	Ailen	0,5%
14	Bồ Đào Nha	0,4%
15	Hy Lạp	0,4%

2.5. Với các thành viên khác thuộc EU cũ (15)

Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các thành viên khác của EU cũ những năm gần đây phát triển thuận lợi, tốt đẹp. Trao đổi thương mại với Italia, Bỉ, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan... những năm gần đây tăng lên đáng kể.

2.6. Với các đối tác Đông Âu, thành viên mới của EU

Trong 10 thành viên mới của EU, 8 nước thuộc khối Đông Âu, đã có quan hệ hợp tác nhiều mặt với Việt Nam trong thời kỳ tồn tại cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa. Sau khi Liên Xô và Đông Âu tan rã, quan hệ giữa Việt Nam và các nước này vẫn duy trì nhưng giảm đáng kể. Những năm gần đây mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước này đã dần dần củng cố. Năm 2002 kim ngạch ngoại thương giữa Việt Nam với các nước Đông Âu đạt 181,8 triệu USD (xuất khẩu 147,1 triệu USD, nhập khẩu 44,7 triệu USD). Đầu tư trực tiếp của Cộng hòa Séc và Hungaria còn thấp. Đầu tư của Ba Lan chỉ dưới hình thức cho vay tín dụng.

Tuy nhiên các nước này cũng là thị trường tiềm năng, có khả năng phát triển trong tương lai. Hiện nay còn hàng chục ngàn người Việt Nam sống, học tập và làm ăn ở đây. Họ hiểu biết ngôn ngữ, văn hóa, thị trường, sẽ là nhịp cầu giúp cho

mối quan hệ Việt Nam và các nước này phát triển. Nhà nước ta cần có chính sách nhằm tăng cường quan hệ mọi mặt với các thành viên EU mới.

Tóm lại, trong tiến trình hợp tác Á – Âu, Việt Nam, nước thành viên mới của ASEAN, đã tham gia từ đầu và có những đóng góp tích cực. Quá trình hợp tác này giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với cộng đồng quốc tế. Đó là cơ hội và thách thức lớn. Thế và lực của chúng ta còn yếu kém, còn nhiều điều bất cập, song phải xuống biển bơi theo luật chung thì mới có thể sánh vai với bạn bè, với các cường quốc năm châu trong thời đại toàn cầu hóa được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Bùi Huy Khoát. *Thúc đẩy quan hệ thương mại – đầu tư giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
2. Tôn Sinh Thành. *Tiến trình ASEM và ý nghĩa của nó*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 25/1999.
3. Trần Kim Dung. *Chiến lược mới của EU đối với Châu Á*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 9-10/1996.
4. Tổng cục Thống kê. *Số liệu kinh tế xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002.